UBND TỈNH THANH HÓA **A XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC **p - Tự do - Hạ**

DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA

THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC

Đợt thi ngày 06, 07 tháng 01 năm 2022

Tên kỹ năng: Kỹ năng Viết - Tiếng Anh

Ngày thi: 06/01/2022 **Buổi thi: Chiều**

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngày thi	Buổi thi	Phòng thi
1	1867010001	Nguyễn Thị Mai	An	23/05/2000	06-01-22	C	A6.B.401
2	1867010004	Nguyễn Thị Lan	Anh	01-04-2000	06-01-22	C	A6.B.401
3	1867010003	Nguyễn Thị Mai	Anh	3-3-2000	06-01-22	C	A6.B.401
4	1867020001	Phạm Ngọc	Anh	30/12/2000	06-01-22	C	A6.B.401
5	1867010006	Trần Vân	Anh	13/07/2000	06-01-22	C	A6.B.401
6	1867020002	Đỗ Ngọc	ánh	23/07/1999	06-01-22	C	A6.B.401
7	1867020003	Trần Thị Hồng	ánh	15/01/1995	06-01-22	C	A6.B.401
8	1867020004	Lê Thị Ngọc	Bích	12-12-1999	06-01-22	C	A6.B.401
9	1867020005	Trương Thị	Châu	21/11/2000	06-01-22	C	A6.B.401
10	1867020006	Đậu Văn	Chiến	8-7-1999	06-01-22	C	A6.B.401
11	1867010007	Lưu Thị Huyền	Diệu	28/12/2000	06-01-22	C	A6.B.401
12	1867010008	Phùng Thùy	Dương	11-7-2000	06-01-22	C	A6.B.401
13	1867020007	Nguyễn Thị Tú	Duyên	13/10/2000	06-01-22	C	A6.B.401
14	1867010009	Nguyễn Hoàng Minh	Giang	22/12/2000	06-01-22	C	A6.B.401
15	1867010010	Nguyễn Thị	Giang	20/09/2000	06-01-22	C	A6.B.401
16	1867010012	Nguyễn Nguyệt	Hà	24/02/2000	06-01-22	C	A6.B.401
17	1867010011	Nguyễn Thu	Hà	27/12/2000	06-01-22	C	A6.B.401
18	1867020008	Phạm Thị	Hà	10-4-2000	06-01-22	C	A6.B.401
19	1867020009	Đặng Thị	Hải	16/08/2000	06-01-22	C	A6.B.401
20	1867020010	Nguyễn Thúy	Hằng	11-9-2000	06-01-22	C	A6.B.401
21	1867020012	Nguyễn Thị	Hạnh	23/01/2000	06-01-22	C	A6.B.401
22	1867010013	Lê Thị	Hảo	11-9-2000	06-01-22	C	A6.B.401
23	1867010014	Nguyễn Thị	Hậu	15/10/2000	06-01-22	C	A6.B.401
24	1867010015	Nguyễn Thu	Hiền	11-7-2000	06-01-22	C	A6.B.401
25	1867020062	Phạm Thị	Hiền	6-12-2000	06-01-22	C	A6.B.401
26	1867020013	Lê Xuân	Hiếu	25/04/2000	06-01-22	C	A6.B.401
27	1867010016	Nguyễn Thị	Hiếu	10-8-2000	06-01-22	C	A6.B.401
28	1867010017	Lê Thị	Hoa	21/09/2000	06-01-22	C	A6.B.401
29	1867020014	Trịnh Nguyễn Thị	Hoa	24/01/2000	06-01-22	C	A6.B.401
30	1867020015	Trần Thị Khánh	Hòa	28/08/2000	06-01-22	C	A6.B.401
31	1867020017	Hoàng Thị	Hoài	28/08/2000	06-01-22	C	A6.B.401
32	1867020016	Nguyễn Thị	Hoài	16/07/2000	06-01-22	C	A6.B.401
33	1867020018	Lê Thị	Hồng	16/08/2000	06-01-22	C	A6.B.401
34	1867010018	Ngô Thị	Hồng	6-2-2000	06-01-22	C	A6.B.401
35	1867010019	Hoàng Đức	Hưng	27/08/1999	06-01-22	C	A6.B.401
36	1867020020	Lê Thanh	Hương	23/12/2000	06-01-22	C	A6.B.401
37	1867020021	Phạm Thị	Hường	6-5-2000	06-01-22	C	A6.B.402
1	1867010021	Nguyễn Thị Thu	Huyền	11-2-2000	06-01-22	C	A6.B.402
2	1867010023	Nguyễn Thu	Huyền	16/12/2000	06-01-22	C	A6.B.402
3	1867010020	Trần Thị Thanh	Huyền	12-12-2000	06-01-22	C	A6.B.402
4	1867020022	Ngô Trần Đình	Khải	3-4-2000	06-01-22	C	A6.B.402
5	1867020024	Trịnh Quốc	Khánh	9-2-1999	06-01-22	C	A6.B.402
6	1867020025	Nguyễn Sơn	Lâm	22/07/1998	06-01-22	C	A6.B.402
7	1867020026	Mã Thị	Li	10-5-2000	06-01-22	C	A6.B.402
8	1867020027	Hà Thị	Linh	1-10-2000	06-01-22	C	A6.B.402

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngày thi	Buổi thi	Phòng thi
9	1867010029	Nguyễn Ngọc	Linh	4-10-2000	06-01-22	C	A6.B.402
10	1867010026	Nguyễn Thị Diệu	Linh	14/10/2000	06-01-22	C	A6.B.402
11	1867010030	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2000	06-01-22	C	A6.B.402
12	1867010027	Phạm Thị	Linh	20/09/2000	06-01-22	C	A6.B.402
13	1867010025	Phạm Thùy	Linh	12-1-2000	06-01-22	C	A6.B.402
14	1867010028	Vũ Thị Diệu	Linh	7-5-2000	06-01-22	C	A6.B.402
15	1867010031	Nguyễn Thị Chi	Mai	30/11/2000	06-01-22	C	A6.B.402
16	1867010032	Trần Thị Ngọc	Minh	6-12-2000	06-01-22	C	A6.B.402
17	1867020029	Nguyễn Thị Hoài	Nam	23/03/2000	06-01-22	C	A6.B.402
18	1867020030	Lê Thị Huệ	Ngân	21/10/2000	06-01-22	C	A6.B.402
19	1867020032	Phạm Vũ Thảo	Ngân	10-6-2000	06-01-22	C	A6.B.402
20	1867010034	Hà Thị Hồng	Ngọc	8-10-2000	06-01-22	C	A6.B.402
21	1767010059	Nguyễn Thị	Nhài	19/07/1999	06-01-22	C	A6.B.402
22	1867020034	Đỗ Viết	Nhật	25/12/1999	06-01-22	C	A6.B.402
23	1867010035	Lê Hà	Nhi	6-1-2000	06-01-22	C	A6.B.402
24	1867020035	Vương Thị Yến	Nhi	17/09/2000	06-01-22	C	A6.B.402
25	1867020036	Hà Thị	Nhung	14/02/2000	06-01-22	C	A6.B.402
26	1867010036	Lê Thị Hồng	Nhung	9-8-2000	06-01-22	C	A6.B.402
27	1867020037	Trịnh Văn	Phong	30/11/1999	06-01-22	C	A6.B.402
28	1867010039	Đỗ Minh	Phương	9-10-2000	06-01-22	C	A6.B.402
29	1867010038	Lương Thị	Phương	19/11/2000	06-01-22	C	A6.B.402
30	1867010041	Nguyễn Thị	Phương	9-5-2000	06-01-22	C	A6.B.402
31	1867020039	Nguyễn Thị	Phương	8-8-2000	06-01-22	C	A6.B.402
32	1867020038	Trịnh Thảo	Phương	9-3-2000	06-01-22	C	A6.B.402
33	1867010040	Trương Thị Bích	Phương	14/08/2000	06-01-22	C	A6.B.402
34	1867020040	Nguyễn Thị	Phượng	17/09/2000	06-01-22	C	A6.B.402
35	1867020042	Trịnh Minh	Quang	11-11-1999	06-01-22	C	A6.B.402
36	1767010064	Lữ Thị	Oanh	12-06-99	06-01-22	C	A6.B.402
37	1767010041	Lê Mai	Uyên	17-06-99	06-01-22	C	A6.B.402
1	1867020048	Lê Thị	Thu	20/01/2000	07-01-22	C	A6.B.401
2	1867020049	Lê Ngọc	Thực	5-10-1999	07-01-22	C	A6.B.401
3	1867020050	Lê Thị Thanh	Thủy	18/12/2000	07-01-22	C	A6.B.401
4	1867010048	Nguyễn Thị	Thủy	14/05/2000	07-01-22	C	A6.B.401
5	1867020051	Vũ Văn	Toàn	17/03/1997	07-01-22	C	A6.B.401
6	1867010049	Phạm Thị	Trâm	9-10-2000	07-01-22	C	A6.B.401
7	1867020052	Đoàn Minh	Trang	20/11/2000	07-01-22	C	A6.B.401
8	1867010051	Đoàn Quỳnh	Trang	19/02/2000	07-01-22	C	A6.B.401
9	1867010052	Hoàng Thanh	Trang	16/04/2000	07-01-22	C	A6.B.401
10	1867020053	Lê Thị	Trang	20/06/1997	07-01-22	C	A6.B.401
11	1867010053	Mai Thị Huyền	Trang	14/02/2000	07-01-22	C	A6.B.401
12	1867010050	Thiều Hà	Trang	30/10/2000	07-01-22	C	A6.B.401
13	1867020055	Trần Văn	Trung	9-9-1998	07-01-22	C	A6.B.401
14	1867020056	Nguyễn Văn	Trường	21/08/1999	07-01-22	C	A6.B.401
15	1867020057	Nguyễn Thanh	Tùng	8-4-2000	07-01-22	C	A6.B.401
16	1867010055	Ngọ Thị Thảo	Vân	7-6-2000	07-01-22	C	A6.B.401
17	1867020059	Phạm Văn	Vượng	22/10/2000	07-01-22	C	A6.B.401
18	1867010056	Lê Thị Thu	Yến	10-2-2000	07-01-22	C	A6.B.401
19	1867020060	Trần Thị	Yến	22/04/1999	07-01-22	C	A6.B.401
20	1867010042	Phạm Thị	Quyên	6-12-2000	07-01-22	C	A6.B.401
21	1867020044	Lê Thị	Quỳnh	17/03/2000	07-01-22	C	A6.B.401
22	1867020043	Phan Thị Hải	Quỳnh	16/09/2000	07-01-22	C	A6.B.401
23	1867010043	Tạ Diễm	Quỳnh	17/06/2000	07-01-22	C	A6.B.401
24	1867020046	Lê Hồng	Sơn	8-4-2000	07-01-22	C	A6.B.401
25	1867020047	Lê Văn	Tần	2-12-1998	07-01-22	C	A6.B.401
26	1867010044	Nguyễn Thị	Thanh	2-5-2000	07-01-22	C	A6.B.401
27	1867010046	Trần Thị Phương	Thảo	16/09/2000	07-01-22	C	A6.B.401

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Ngày thi	Buổi thi	Phòng thi
28	196C750002	Nguyễn Thị Thảo	Giang	7-8-2001	07-01-22	C	A6.B.401
29	196C750004	Nguyễn Thị	Hương	25/12/2001	07-01-22	C	A6.B.401
30	196C750005	Vũ Lê Quang	Huy	9-8-2001	07-01-22	C	A6.B.401
31	196C750001	Mai Thị	Dung	27/09/2001	07-01-22	C	A6.B.401
32	196C750007	Phạm Thị	Quyền	7-10-2001	07-01-22	C	A6.B.401
33	1769010134	Lê Phạm Thị	Hồng	16-11-99	07-01-22	C	A6.B.401
34	1769010102	Lê Thị	Quỳnh	26-10-99	07-01-22	C	A6.B.401
35	1869010047	Lê Hà	Uyên	23-09-98	07-01-22	C	A6.B.401
36	1769020008	Nguyễn Thị	Hoa	22-05-99	07-01-22	C	A6.B.401
37	2061030098	Nguyễn Bá	Anh	19-11-00	07-01-22	C	A6.B.401
1	1964010050	Bùi Thị Lan	Anh		07-01-22	C	A6.B.402
2	1869010101	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh		07-01-22	C	A6.B.402
3	1861030024	Lê Công Đức	Anh		07-01-22	C	A6.B.402
4	1866030003	Phạm Văn	Dũng		07-01-22	C	A6.B.402
5	1769020007	Hoàng Minh	Hiếu		07-01-22	C	A6.B.402
6	1864010016	Nguyễn Ngọc	Huy		07-01-22	C	A6.B.402
7	207401T005	Hà Thị	Khanh		07-01-22	C	A6.B.402
8	186602CLC06	Lê Thị Hương	Lan		07-01-22	C	A6.B.402
9	1864010126	Nguyễn Thị	Linh	22-04-00	07-01-22	C	A6.B.402
10	176C700021	Lê Thị	Linh		07-01-22	C	A6.B.402
11	1964010071	Nguyễn Thị	Ly		07-01-22	C	A6.B.402
12	1861030048	Trần Công	Mạnh		07-01-22	C	A6.B.402
13	186601CLC08	Hà Văn	Nghiệp		07-01-22	C	A6.B.402
14	1864010026	Nguyễn Thị Phương	Nguyệt		07-01-22	C	A6.B.402
15	1764020082	Lê Thị	Phương		07-01-22	C	A6.B.402
16	1964010126	Lê Thị	Phương		07-01-22	C	A6.B.402
17	1964010125	Trần Thị	Phương		07-01-22	C	A6.B.402
18	1869020008	Lê Văn	Sơn		07-01-22	C	A6.B.402
19	1964030020	Đào Viết	Thắng		07-01-22	C	A6.B.402
20	1869010037	Nguyễn Thị Phương	Thảo		07-01-22	C	A6.B.402
21	1869000036	Đoàn Thị	Thu	11-10-2000	07-01-22	C	A6.B.402
22	1964010137	Trần Thị Thu	Thùy		07-01-22	C	A6.B.402
23	1869010094	Lê Thị Huyền	Trang		07-01-22	C	A6.B.402
24	186602CLC10	Phạm Thị	Trang	6-10-2000	07-01-22	C	A6.B.402
25	1964010136	Trần Thị	Tư		07-01-22	C	A6.B.402
26	1768010030	Nguyễn Trí	Tuân		07-01-22	C	A6.B.402
27	1861030062	Nguyễn Văn	Tuấn		07-01-22	C	A6.B.402
28	1964010144	Lê Thị Kim	Tuyến		07-01-22	C	A6.B.402
29	1769020028	Cao Thị	Vân		07-01-22	C	A6.B.402
30	1869010146	Nguyễn Thị Cẩm	Vân		07-01-22	C	A6.B.402
31	186602CLC12	Lê Thị Khánh	Vân	3-9-2000	07-01-22	C	A6.B.402
32	1861030078	Trần Lâm	Vũ		07-01-22	C	A6.B.402
33	1861030066	Nguyễn Duy	Vũ		07-01-22	C	A6.B.402
34	186C700010	Hà Tùng	Lâm		07-01-22	C	A6.B.402
35	186C700001	Nguyễn Thị Lan	Anh		07-01-22	C	A6.B.402
36	186C700007	Lê Thị	Hà		07-01-22	C	A6.B.402
37	186C700003	Nguyễn Thị Kim	Chi	28-06-00	07-01-22	C	A6.B.402
38	186C700016	Vũ Thu	Trang	14/02/19998	07-01-22	C	A6.B.402

Số SV trong Danh sách gồm:……. Số SV dự thi:…….. Số tờ giấy thi:……..

Số SV bị kỷ luật:…….trong đó KT:……CC:……ĐC:……

Thanh Hóa, ngày tháng 01

CB COI THI 1 **CB COI THI 2** **KT.HIỆU TRƯỞNG**

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Ngày thi	Buổi thi	Phòng thi